TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11-6-2021
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Phi.
2. Ông Bùi Huy Xuân.

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 418/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Lý Văn V, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Chị H, anh V vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lê Thị Thu H trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng hơn 01 năm thì chị H và anh Lý Văn V mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 12-3-2009 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện D,

tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình chồng được khoảng 02 năm thì ra sống riêng trên nhà đất của vợ chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã trong mọi chuyện, từ chuyện nuôi dạy con cái đến kinh tế gia đình. Ngoài ra anh V còn ghen tuông vô cớ, tài chính do anh V nắm giữ nhưng lại không đồng ý để chị H đi làm. Nay, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị H xin được ly hôn với anh V.

Về nuôi con chung: Chị H và anh V có 02 người con chung là Lý Gia Kh, sinh ngày 15-01-2010 và Lý Gia H, sinh ngày 17-4-2015. Chị H đồng ý để anh V được quyền nuôi dưỡng 02 người con chung còn chị H cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/01 cháu/01 tháng.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Lý Văn V, trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm thì anh V và chị Lê Thị Thu H mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 12-3-2009 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung với gia đình anh V được khoảng 02 năm thì ra sống riêng trên nhà đất của vợ chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân giữa vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ trong cuộc sống. Mọi chi tiêu trong gia đình chủ yếu từ tiền lương làm công nhân của anh V. Do tiền lương của anh V cũng đủ trang trải cuộc sống gia đình nên chị H ở nhà lo việc nội trợ, dạy dỗ con cái. Anh V thừa nhận đôi khi vợ chồng cãi vã vì quá tức giận, không kiềm chế được cảm xúc nên có đánh chị H. Theo anh V vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng để phải ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh V thống nhất theo ý kiến của chị H.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Giao con chung Lý Gia Kh, sinh ngày 15-01-2010 và Lý Gia H, sinh ngày 17-4-2015 cho anh V được quyền nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/01 cháu/01 tháng.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh V không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng*:* Chị H và anh V sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay chị H yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh V là xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh V trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 12-3-2009 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã nhau. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị H, Tòa án cũng đã hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả. Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn còn anh V xác nhận mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng để giải quyết ly hôn và xin thời gian đểHn gắn tình cảm. Tuy nhiên, qua thời gian hôn nhân giữa chị H và anh V vẫn không hàn gắn được vì chị H vẫn yêu cầu được ly hôn còn anh V không đưa ra được giải pháp hàn gắn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh V ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn với anh V.

[2.2]. Về nuôi con chung: Chị H và anh V có 02 người con chung là Lý Gia Kh, sinh ngày 15-01-2010 và Lý Gia H, sinh ngày 17-4-2015.

Chị H và anh V thỏa thuận anh V được quyền nuôi dưỡng 02 người con chung vì hiện 02 người con chung đang sống cùng anh V. Trong 02 người con chung thì có cháu Lý Gia Kh đã trên 07 tuổi và cũng có nguyện vọng được sống với anh V nên xét thấy sự thỏa thuận này là phù hợp, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 ghi nhận sự thỏa thuận này.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H đóng góp nuôi con với anh Lý Văn V số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/01 cháu/01 tháng cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

[2.3]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh V không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn và phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Thu H và anh Lý Văn V.

2. Về nuôi con chung: Chị H và anh V có 02 người con chung là Lý Gia Kh, sinh ngày 15-01-2010 và Lý Gia H, sinh ngày 17-4-2015;

Giao 02 người con chung là Lý Gia Kh, sinh ngày 15-01-2010 và Lý Gia H, sinh ngày 17-4-2015 cho anh Lý Văn V trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Thu H đóng góp nuôi con với anh Lý Văn V số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/01 cháu/01 tháng cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Chị Lê Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn và phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0004910 ngày 26 tháng 10 năm 2020; chị Lê Thị Thu H còn phải nộp tiếp số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BR-VT**;**
-VKSND H.Châu Đức;
-Chi cục THADS H.Châu Đức;
-UBND xã C;
-Các đương sự;
-Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga